

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 12 - 2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Kim Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Luận

2. Bà Bùi Thị Quy

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 255/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/10/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thuỳ L, sinh ngày 30/10/1998;

Căn cước số 030198000167 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/07/2022;

Đăng ký thường trú: Tổ dân phố L, phường T, thành phố H;

Nơi ở hiện nay: Số nhà 20, đường A, khu dân cư T, phường C, thành phố H.

2. Bị đơn: Anh Lê Quang V, sinh ngày 25/06/1993;

Căn cước công dân số 030093000629 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/10/2021;

Đăng ký thường trú: Tổ dân phố C, phường T, thành phố H;

Nơi ở hiện nay: Tổ dân phố V, phường T, thành phố H.

** Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường T, thành phố H.

Chị L, anh V, bà T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/09/2025, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, chị Nguyễn Thị Thuý L trình bày: Chị và anh Lê Quang V kết hôn với nhau ngày 19/6/2020 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh H (nay là phường T, thành phố H) và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng ở riêng, gần nhà mẹ đẻ anh V ở tổ dân phố V, phường T, thành phố H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về kinh tế và tình cảm, hay cãi nhau nên chị đã chuyển ra ngoài thuê trọ từ tháng 7/2025 đến nay. Anh V có đến, điện thoại, nhắn tin mong chị quay về nhưng do không còn tình cảm và không muốn đoàn tụ nên chị không về chung sống cùng anh V. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định vợ chồng không thể về đoàn tụ được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Nguyễn Thiện A, sinh ngày 30/11/2020. Hiện tại, cháu đang sống cùng anh V và bà nội, chị không có công việc và chỗ ở ổn định nên không có khả năng nuôi con, chị đề nghị Tòa án giao con cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng. Chị sẽ cấp dưỡng nuôi con với anh V theo quy định của pháp luật nếu anh V yêu cầu. Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, anh Lê Quang V trình bày thống nhất các nội dung như chị L đã trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn. Anh xác định vợ chồng gần đây bất đồng quan điểm do chị L muốn cả hai vợ chồng cùng đi nước ngoài làm kinh tế nhưng anh không muốn đi vì không xa con được. Vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng không được. Sau đó, chị L đã chuyển ra ngoài sống riêng, anh và con ở cùng nhau. Anh cũng có gọi điện, nhắn tin và đến nơi chị L thuê trọ để khuyên chị về chung sống cùng bố con anh nhưng chị L không về mà bảo anh là sẽ ly hôn. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Bản thân anh và chị L đều sống trong hoàn cảnh bố mẹ ly hôn nên anh không muốn con anh cũng giống như vậy. Nếu chị L kiên quyết xin ly hôn quan điểm của anh là mặc kệ chị L thích làm gì thì làm, anh không đồng ý ly hôn. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Nguyễn Thiện A, sinh ngày 30/11/2020, hiện đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh làm nghề tự do, có thu nhập, công việc và chỗ ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng tốt cho con. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con với anh. Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Nguyễn Thị T - mẹ đẻ anh V xác định: Khoảng tháng 7/2025, không biết giữa chị L và anh V xảy ra chuyện gì, chị L bỏ nhà đi khoảng 5 đến 6 ngày, sau đó về nhà thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Chị L tiếp tục bỏ ra ngoài thuê trọ, bà có khuyên giải nhưng chị L bảo với bà là con ở đây con chỉ có chết thôi, con phải ra ngoài làm ăn. Bà và anh V có khuyên bảo, điện thoại nhiều nhưng chị L không quay về chung sống cùng anh V. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh V, bà không muốn các con ly hôn nhưng chị L, anh V đã trưởng thành, quyết định như thế nào là quyền của anh chị ấy. Về con chung: Anh V, chị L có 01 con chung hiện đang sống cùng anh V và gia đình bà từ bé đến nay, bà vẫn hỗ trợ chăm sóc, đưa đón cháu đi học. Nếu chị L và anh V ly hôn, quan điểm của bà là đề nghị Tòa án giao con cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng. Bà sẽ tạo điều kiện mọi mặt để hỗ trợ anh V chăm sóc tốt cho con.

- Tại Biên bản xác minh ngày 24/10/2025, ông Nguyễn Hữu C – Tổ trưởng tổ dân phố V cung cấp: Khoảng mấy năm trở lại đây, chị L và anh V chuyển về tổ dân phố V, phường T, thành phố H chung sống cùng mẹ đẻ anh V (ở khác nhà, khác diện tích đất nhưng gần nhau). Mâu thuẫn cụ thể giữa chị L và anh V địa phương không rõ. Khoảng từ tháng 7/2025 đến nay chị L không chung sống cùng anh V nữa; anh V và con vẫn ở cùng nhau tại tổ dân phố V gần nhà bà T. Nay chị L xin ly hôn anh V và đề nghị giải quyết việc nuôi con chung, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các bên.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 229, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15. Tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thuỳ L được ly hôn với anh Lê Quang V. Về con chung: Có 01 con chung. Giao con chung là Lê Nguyễn Thiện A, sinh ngày 30/11/2020 cho anh Lê Quang V tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh V tự nguyện không yêu cầu chị Nguyễn Thị

Thùy L phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh V. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này. Về án phí: Chị L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Quang V đăng ký thường trú tại Tổ dân phố C, phường T, thành phố H (hiện ở tại Tổ dân phố V, phường T, thành phố H). Chị L khởi kiện xin ly hôn anh V và yêu cầu giải quyết về việc nuôi con chung. Do vậy, đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng thụ lý giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn, giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa. Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh V đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Người làm chứng có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 229, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh V kết hôn với nhau ngày 19/06/2020, trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh H. Do vậy, hôn nhân của chị L, anh V là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra bất đồng, không tin tưởng nhau về kinh tế và tình cảm dẫn đến cãi vã, xô xát. Từ tháng 7/2025, chị L đã bỏ ra ngoài thuê nhà trọ ở, vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Mặc dù, anh V không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn và để vợ chồng đoàn tụ, thể hiện sự thờ ơ, bỏ mặc tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị L, anh V từ tháng 7/2025 đến nay không sống chung, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị L xin ly hôn với anh V.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Nguyễn Thiện A, sinh ngày 30/11/2020, hiện tại, con chung đang do anh V trực tiếp nuôi dưỡng và vẫn

được anh V chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và cho học hành đầy đủ. Anh V có quan điểm đề nghị giao con chung cho anh tiếp tục nuôi dưỡng, quan điểm của anh V phù hợp với ý kiến của chị L, điều kiện, hoàn cảnh của vợ chồng. Do vậy, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận theo yêu cầu của anh V, giao con Lê Nguyễn Thiện A cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Anh V tự nguyện không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh, đây là ý kiến tự nguyện của anh V, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Chị L không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị L và anh V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy, không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 229, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thuỳ L được ly hôn với anh Lê Quang V.

2. Về con chung: Có 01 con chung.

Giao con chung là Lê Nguyễn Thiện A, sinh ngày 30/11/2020 cho anh Lê Quang V tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh V tự nguyện không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thuỳ L phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh V.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thuỳ L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị L đã nộp theo

biên lai ký hiệu BLTU/25E số 0003612 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 - Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- UBND phường T (GCNKH số 51/2020 phường C);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Giang